TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-DS	*Bình Dương, ngày 24 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 56/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: số F ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H1, là Luật sư của Công ty L6 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954 (đã chết năm 2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N:

1. Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1980; địa chỉ: số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1982; địa chỉ: số F, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc Á: Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Á1, sinh năm 1985; địa chỉ: số I, khu phố B, phường A,

thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/11/2022 và ngày 20/3/2023).

3. Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Á1, sinh năm 1985; địa chỉ: số I, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1934 (đã chết năm 2018).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T:

1.1. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1958; địa chỉ: số G L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà Lê Thị V, sinh năm 1962; địa chỉ: H, phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Ông Lê Thiện T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Đ, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Ông Lê Văn H4, sinh năm 1966; địa chỉ: Đ, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Ông Lê Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị H2, bà Lê Thị V, ông Lê Thiện T1, ông Nguyễn Văn H3, ông Lê Văn H4 và ông Lê Văn L: Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/11/2022).

1.7. Ông Lê Văn H5, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

1.8. Bà Lê Thị Thanh T2, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Ú (đã chết năm 2008), chồng là ông Lê Văn M (đã chết năm 2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ú và ông là ông Lê Văn M gồm:

2.1. Bà Lê Thị Hồng N1, sinh năm 1973;

2.4. Bà Lê Thị Hồng L1, sinh năm 1979;

2.3. Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1981;

2.4. Ông Lê Minh T3, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Minh T3 và bà Lê Thị Hồng L1: Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: số C, đường N, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2013).

2.6. Ông Lê Minh P, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Nguyễn Văn L2 (đã chết năm 1974), vợ tên là bà Võ Thị T4 (đã chết năm 1992),

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn L2 và bà Võ Thị T4 gồm:

3.1. Bà Võ Thị M1, sinh năm 1964;

3.2. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1967;

3.3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969;

3.4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị M1, bà Nguyễn Thị L3 và ông Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2013).

3.5. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1971; quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: B NW37th S, O, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ1: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: số F, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2013).

4. Bà Nguyễn Ngọc Thu H6, sinh năm 1971; địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1956; địa chỉ: số D, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1957; địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ2: Bà Phan Thị Thanh A1, sinh năm 1978; địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2023).

7. Bà Nguyễn Ngọc T5, sinh ngày 02/5/1963; địa chỉ: số B đường N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc T6, sinh năm 1965; địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

9. Ông Ngô Minh Q, sinh năm 1971;

10. Bà Ngô Ngọc H7, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

11. Ông Hoàng Anh H8, sinh năm 1976;

12. Ông Phan Phước L4, sinh năm 1984;

13. Bà Nguyễn Thị Mộng T7, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

14. Ông Nguyễn Văn Đ3, sinh năm 1967; địa chỉ: số B đường N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ông Trần Gia D, sinh năm 1990;

16. Bà Trần Điệp L5, sinh năm 1996;

17. Bà Lợi Trần Kim P1, sinh năm 1995;

18. Ông Trần Gia H9, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

19. Bà Phan Thị Thanh A1, sinh năm 1978;

20. Ông Nguyễn Hồng M2, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các đương sự cùng thỏa thuận thống nhất phân chia tài sản thừa kế đang tranh chấp là phần đất có diện tích 2.309,6m^2 (trong đó có 117,1m^2 diện tích đất mộ) thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ C2, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện T (nay là khu phố B, phường B, thành phố T), tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 1208 QSDĐ/BN ngày 08/5/1998 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị N như sau:

1.1. Tạm giao phần đất mộ có diện tích là 108,7m^2 (có ký hiệu M trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N3 và ông Nguyễn Văn L2 gồm: bà Nguyễn Thị N (đã chết, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm anh Nguyễn Ngọc A, chị Nguyễn Ngọc Á và chị Nguyễn Ngọc Mỹ Á1), bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Ngọc T5, bà Nguyễn Thị Ngọc T6, bà Nguyễn Ngọc Thu H6, ông Nguyễn Văn Đ3, bà Võ Thị M1, bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Nguyễn Văn C quản lý. Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ú được quyền tới lui thăm viếng mộ của thân tộc mà không ai có quyền quản cản trở.

1.2. Chia phần đất còn lại có diện tích là 2.200,9m^2 cho các đồng thừa kế, cụ thể như sau:

- Phần thứ nhất: Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N3 gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Ngọc T5, bà Nguyễn Thị Ngọc T6, bà Nguyễn Ngọc Thu H6, ông Nguyễn Văn Đ3 được chia diện tích 1.600,7m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư và 8,4m^2 đất mộ). Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N3 tự nguyện thỏa thuận phân chia diện tích trên ra làm 07 phần, cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Ngọc T5 được chia phần đất có diện tích 224,7m^2; trong đó có 42m^2 đất ở tại đô thị và 182,7m^2 đất trồng cây lâu năm. Tạm giao phần đất mộ có diện tích 8,4m^2 cho bà Nguyễn Ngọc T5 quản lý (có ký hiệu A và A1 trên sơ đồ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị N2 được chia phần đất có diện tích 187,4m^2; trong đó có 50m^2 đất ở tại đô thị và 137,4m^2 đất trồng cây lâu năm (có ký hiệu B trên sơ đồ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Ngọc Thu H6 được chia phần đất có diện tích 192,3m^2; trong đó có 42m^2 đất ở tại đô thị và 150,3m^2 đất trồng cây lâu năm (có ký hiệu C trên sơ đồ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T6 được chia phần đất có diện tích 193m^2; trong đó có 42m^2 đất ở tại đô thị và 151m^2 đất trồng cây lâu năm (có ký hiệu D trên sơ đồ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị Đ2 được chia phần đất có diện tích 193,8m^2; trong đó có 42m^2 đất ở tại đô thị và 151,8m^2 đất trồng cây lâu năm (có ký hiệu E trên sơ đồ kèm theo).

+ Bà Nguyễn Thị N (đã chết, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm anh Nguyễn Ngọc A, chị Nguyễn Ngọc Á và chị Nguyễn Ngọc Mỹ Á1) được chia phần đất có diện tích 194,6m^2; trong đó có 42m^2 đất ở tại đô thị và 152,6m^2 đất trồng cây lâu năm (có ký hiệu F trên sơ đồ kèm theo).

+ Ông Nguyễn Văn Đ3 được chia phần đất có diện tích 406,5m^2; trong đó có 40m^2 đất ở tại đô thị và 366,5m^2 đất trồng cây lâu năm (có ký hiệu G trên sơ đồ kèm theo).

+ Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N3 tự nguyện tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng gồm nhà ở, nhà tạm, nhà vệ sinh và các căn ki ốt gắn liền trên diện tích đất đã tự thỏa thuận phân chia trên, không yêu cầu thể hiện diện tích nhà bị tháo dỡ và không yêu cầu bồi thường về giá trị tài sản bị tháo dỡ.

- Phần thứ hai: Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn L2 gồm bà Võ Thị M1, bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Nguyễn Văn C do ông Nguyễn Văn H đại diện nhận, được chia diện tích đất là 400m^2 (ký hiệu N1 và N2 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Phần thứ ba: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T gồm bà Lê Thị H2, bà Lê Thị V, ông Lê Thiện T1, ông Lê Văn H5, ông Nguyễn Văn H3, ông Lê Văn H4, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Thanh T2 do ông Nguyễn Văn H3 đại diện nhận và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Ú gồm bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Minh P, bà Lê Thị Hồng L1, ông Lê Minh Đ và ông Lê Minh T3 do ông Lê Minh Đ đại diện nhận, được chia diện tích đất là 200m^2 (ký hiệu N3 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Quyền lợi của từng người thừa kế (nội bộ các chi thừa kế của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị Ú được chia tài sản chung tại mục 1.2 phần quyết định này) do các đương sự tự thỏa thuận phân chia, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết tại vụ án dân sự khác.

1.3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1208 QSDĐ/BN ngày 08/5/1998 đã cấp cho bà Nguyễn Thị N để điều chỉnh cấp lại theo nội dung đã thỏa thuận trên.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về cây trồng gắn liền trên phần đất của ai được chia thì người đó được hưởng.

2. Về chi phí tố tụng: chi phí đo đạc, định giá tổng cộng số tiền là 13.278.337 đồng (mười ba triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng), nguyên đơn ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu toàn bộ, được trừ hết vào tiền ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Những người thừa kế thuộc chi của ông Nguyễn Văn L2 gồm bà Võ Thị M1, bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Nguyễn Văn C do Nguyễn Văn H đại diện phải liên đới chịu số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.562.500 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 06950 ngày 07/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T. Ông Nguyễn Văn H còn phải nộp thêm số tiền 55.437.500 đồng (năm mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Những người thừa kế thuộc chi của bà Nguyễn Thị T gồm bà Lê Thị H2, bà Lê Thị V, ông Lê Thiện T1, ông Lê Văn H5, ông Nguyễn Văn H3, ông Lê Văn H4, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Thanh T2 do ông Nguyễn Văn H3 đại diện và những người thừa kế thuộc chi của bà Nguyễn Thị Ú gồm bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Minh P, bà Lê Thị Hồng L1, ông Lê Minh Đ và ông Lê Minh T3 do ông Lê Minh Đ đại diện phải liên đới chịu số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị N2 và bà Nguyễn Ngọc T5 đều đã trên 60 tuổi, bà Nguyễn Ngọc Thu H6 thuộc diện hộ nghèo, bà Nguyễn Ngọc T6 thuộc diện hộ cận nghèo, tất cả đều có đơn xin miễn án phí nên bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Ngọc T5, bà Nguyễn Ngọc Thu H6 và bà Nguyễn Ngọc T6 được miễn án phí.

- Bà Nguyễn Thị N (đã chết), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm anh Nguyễn Ngọc A, chị Nguyễn Ngọc Á và chị Nguyễn Ngọc Mỹ Á1 phải liên đới chịu số tiền 46.870.000 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn Đ3 phải chịu số tiền 57.128.750 đồng (năm mươi bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Huỳnh Thị Thanh Tuyền